ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 618 /QĐ-UBND	*Lộc Ninh, ngày 13 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố dự toán ngân sách năm 2019 của huyện Lộc Ninh.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Ngân sách ;

Căn cứ Quyết định số 5249/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Lộc Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số: 38 /TTr-TCKH ngày 13 /03/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của huyện Lộc Ninh (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch, và thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

Hoàng Nhật Tâm

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng huyện ủy;
- Văn phòng HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

UBND HUYỆN LỘC NINH **PHÒNG TÀI CHÍNH – KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số : 38 /TTr-TCKH	*Lộc Ninh, ngày 13 tháng 03 năm 2019*

TỜ TRÌNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019.

Kính gửi: UBND HUYỆN LỘC NINH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15/6/2017.

Căn cứ Quyết định số 5249/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Lộc Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2019;

Phòng Tài chính – Kế hoạch trình UBND huyện phê duyệt công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh thu chi ngân sách nhà nước năm 2019.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Kính trình UBND huyện phê duyệt.

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

UBND HUYỆN LỘC NINH

Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN**	**719.913**
I	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**146.345**
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	131.045
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	15.300
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**558.568**
-	Thu bổ sung cân đối	390.010
-	Thu bổ sung có mục tiêu	168.558
III	**Thu kết dư**	
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	
V	**Nguồn cải cách tiền lương**	**15.000**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**719.913**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**719.413**
1	Chi đầu tư phát triển	126.390
2	Chi thường xuyên	582.289
3	Dự phòng ngân sách	10.734
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**500**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	500
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	

UBND HUYỆN LỘC NINH

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**719.913**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	146.345
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	573.568
-	Thu bổ sung cân đối	390.010
-	Thu bổ sung có mục tiêu	168.558
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
5	Thu nguồn cải cách tiền lương	15.000
II	**Chi ngân sách**	**719.913**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	623.598
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	96.315
-	Chi bổ sung cân đối	76.026
-	Chi bổ sung có mục tiêu	20.289
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	**NGÂN SÁCH XÃ**	115.331
I	**Nguồn thu ngân sách**	111.986
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	15.671
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	96.315
-	Thu bổ sung cân đối	76.026
-	Thu bổ sung có mục tiêu	20.289
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
5	Dự phòng NS	3.345
II	**Chi ngân sách**	115.331

UBND HUYỆN LỘC NINH

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**196.100**	**196.100**
I	**Thu nội địa**	**195.300**	**195.300**
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	43.500	43.500
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
5	Thuế thu nhập cá nhân	22.000	22.000
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	24.500	24.500
8	Thu phí, lệ phí	7.000	7.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	300
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	21.500	21.500
12	Thu tiền sử dụng đất	60.000	60.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	8.500	8.500
16	Thu khác ngân sách	8.000	8.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
II	**Thu viện trợ (Các khoản thu được để lại chi qua QLNN)**	**800**	**800**

UBND HUYỆN LỘC NINH

Biểu số 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**720.713**	**720.713**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	720.713	720.713	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**126.390**	**126.390**	
1	Chi đầu tư cho các dự án	**126.390**	**126.390**	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	126.390	126.390	
-	*Chi các công trình chuyển tiếp*	34.083	34.083	
-	*Chi các công trình khởi công mới*	47.027	47.027	
-	*Chi các công trình chuẩn bị đầu tư*	280	280	
-	*Chi các công trình vốn khác*	45.000	45.000	
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	**126.390**	**126.390**	
	Chi đầu tư từ nguồn phân cấp	23.420	23.420	
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	57.970	57.970	
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, vốn khác*	45.000	45.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	**Chi thường xuyên**	**582.289**	**582.289**	
	Trong đó:			
1	Chi sự nghiệp kinh tế	67.864	*67.864*	
2	Chi sự nghiệp văn xã	344.241	*344.241*	
3	*Chi quản lý hành chính khối huyện*	46.328	*46.328*	
4	*Chi An ninh - quốc phòng*	6.725	*6.725*	
5	*Chi NS XÃ*	115.331	*115.331*	
6	*Chi khác NS*	1.800	*1.800*	
III	**Dự phòng ngân sách**	**10.734**	**10.734**	
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			
VI	**Các khoản chi qua QLNS NN**	**800**	**800**	
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**500**	**500**	
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**	**500**	**500**	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	500	500	
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			

UBND HUYỆN LỘC NINH

Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ**	
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC**	**720.713**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**126.390**
1	Chi đầu tư cho các dự án	**126.390**
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	**Chi thường xuyên**	**582.289**
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	262.037
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	62.401
4	Chi văn hóa thông tin	3.995
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	250
7	Chi bảo vệ môi trường	365
8	Chi các hoạt động kinh tế	189.079
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	46.328
10	Chi bảo đảm xã hội	17.834
III	**Dự phòng ngân sách**	**10.734**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**800**
V	**Chi các chương trình mục tiêu**	**500**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

UBND HUYỆN LỘC NINH **Biểu số 86/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	**443.563**	**13.973**	**414.713**	**3.346**					
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**432.032**	**13.973**	**414.713**	**3.346**					
1	Hạt Kiểm Lâm	**2.293**		2.293						
2	Ban QLR PH Lộc Ninh	**1.622**		1.622						
3	Ban QLR PH Tà Thiết	**1.648**		1.648						
4	Đội Quản lý công trình đô thị	**2.779**		2.779						
5	Trung Tâm dịch vụ Nông Nghiệp	**1.935**		1.935						
6	Trung Tâm y tế	**21.866**		21.866						
7	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị	**966**		966						
8	Hội Đồng ND và UBND	**4.385**		4.385						
9	Phòng Tài Chính - KH	**1.524**		1.524						
10	Phòng KT - HT	**770**		770						
11	Phòng Tư Pháp	**322**		322						
12	Phòng Nội vụ - LĐTBXH	**2.336**		2.336						
13	Phòng NN và PTNT	**765**		765						
14	Thanh Tra huyện	**845**		845						
15	Phòng Văn Hóa TT	**3.963**		3.963						

16	Phòng Giáo dục và Đáo tạo	**1.054**		1.054						
17	Phòng Tài nguyên và môi trường	**1.692**		1.692						
18	Phòng Dân tộc và tôn giáo	**766**		766						
19	Văn Phòng Huyện ủy	**9.526**		9.526						
20	Văn Phòng Khối mặt trận đoàn thể	**4.826**		4.826						
21	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc	**2.727**		2.727						
22	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	**2.925**		2.925						
23	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	**2.537**		2.537						
24	Trường Mẫu giáo Họa Mi	**1.643**		1.643						
25	Trường Mẫu giáo Hướng Dương	**2.521**		2.521						
26	Trường Mẫu giáo Lộc Hiệp	**2.502**		2.502						
27	Trường Mẫu giáo Lộc Hưng	**3.225**		3.225						
28	Trường Mẫu giáo Lộc Quang	**3.008**		3.008						
29	Trường Mẫu giáo Măng Non	**2.051**		2.051						
30	Trường Mẫu giáo Sao Mai	**2.354**		2.354						
31	Trường Mẫu giáo Sao Sáng	**2.686**		2.686						
32	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	**1.643**		1.643						
33	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	**2.334**		2.334						
34	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	**2.758**		2.758						
35	Trường Mẫu giáo Vàng Anh	**2.511**		2.511						
36	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng	**2.756**		2.756						
37	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	**2.584**		2.584						
38	Trường Mẫu giáo Bình Minh	**2.824**		2.824						
39	Trường Mẫu giáo Ánh Dương	**1.627**		1.627						
40	Trường TH Lộc An	**3.917**		3.917						
41	Trường TH Lộc Hiệp	**9.922**		9.922						
42	Trường TH Lộc Hưng	**4.698**		4.698						
43	Trường TH Lộc Hòa	**3.997**		3.997						
44	Trường TH Lộc Khánh	**4.192**		4.192						

45	Trường TH Lộc Điền A	**4.774**		4.774					
46	Trường TH Lộc Điền B	**2.720**		2.720					
47	Trường TH Lộc Phú	**4.932**		4.932					
48	Trường TH Lộc Quang	**7.340**		7.340					
49	Trường TH Lộc Tấn A	**6.538**		6.538					
50	Trường TH Lộc Tấn B	**3.518**		3.518					
51	Trường TH Lộc Thành A	**3.441**		3.441					
52	Trường TH Lộc Thành B	**5.414**		5.414					
53	Trường TH Lộc Thái A	**3.684**		3.684					
54	Trường TH Lộc Thái B	**3.393**		3.393					
55	Trường TH Lộc Thiện	**4.463**		4.463					
56	Trường TH Lộc Thịnh	**3.642**		3.642					
57	Trường TH Lộc Thuận A	**3.778**		3.778					
58	Trường TH Lộc Thuận B	**3.673**		3.673					
59	Trường TH TT Lộc Ninh A	**4.818**		4.818					
60	Trường TH TT Lộc Ninh B	**4.513**		4.513					
61	Trường TH Lộc Thạnh	**2.695**		2.695					
62	Trường TH Lộc Thiện B	**4.014**		4.014					
63	Trường THCS Lộc An	**3.630**		3.630					
64	Trường THCS Lộc Hưng	**4.051**		4.051					
65	Trường THCS Lộc Khánh	**3.524**		3.524					
66	Trường THCS Lộc Điền	**5.288**		5.288					
67	Trường THCS Lộc Quang	**4.168**		4.168					
68	Trường THCS TT Lộc Ninh	**5.925**		5.925					
69	Trường THCS Lộc Tấn	**6.253**		6.253					
70	Trường THCS Lộc Thành	**4.197**		4.197					
71	Trường THCS Lộc Thái	**4.978**		4.978					
72	Trường THCS Lộc Thiện	**5.287**		5.287					
73	Trường THCS Lộc Thuận	**2.765**		2.765					

74	Trường THCS Lộc Hoà	**2.795**		2.795						
75	Trường THCS Lộc Hiệp	**4.813**		4.813						
76	Trường THCS - TH Lộc Thịnh	**2.825**		2.825						
77	Trường THCS- TH Lộc Thạnh	**2.109**		2.109						
78	Trường THCS Lộc Phú	**4.096**		4.096						
79	Trường PT DTNT - THCS Lộc Ninh	**7.815**		7.815						
80	Trung Tâm GDNN - GDTX Lộc Ninh	**3.213**		3.213						
81	Trường THPT Lộc Ninh	**11.537**		11.537						
82	Trường THPT Lộc Thái	**9.272**		9.272						
83	Trường THPT Lộc Hiệp	**6.782**		6.782						
84	UBND xã Lộc Hiệp	**7.091**	1.096	5.791	204					
85	UBND xã Lộc Quang	**6.020**	900	4.943	177					
86	UBND xã Lộc An	**6.981**	600	6.174	207					
87	UBND xã Lộc Hòa	**6.825**	1.100	5.522	203					
88	UBND xã Lộc Tấn	**7.700**	500	6.963	237					
89	UBND TT Lộc Ninh	**6.517**	800	5.536	181					
90	UBND xã Lộc Thuận	**8.070**	1.300	6.534	236					
91	UBND xã Lộc Điền	**9.157**	3.510	5.399	248					
92	UBND xã Lộc Khánh	**7.528**	559	6.758	211					
93	UBND xã Lộc Hưng	**6.740**	1.000	5.534	206					
94	UBND xã Lộc Thái	**6.153**	500	5.453	200					
95	UBND xã Lộc Thiện	**5.992**	300	5.505	187					
96	UBND xã Lộc Thành	**7.170**	400	6.560	210					
97	UBND xã Lộc Thịnh	**8.884**	1.000	7.638	246					
98	UBND xã Lộc Thạnh	**2.237**	208	1.823	206					
99	UBND xã Lộc Phú	**6.468**	200	6.081	187					
II	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**10.731**								
III	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**	**800**								

IV	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ									
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU									

UBND HUYỆN LỘC NINH

Biểu số 87/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	**14.673**				**4.200**				**7.306**	**6.206**		**3.167**	
1	Hạt Kiểm Lâm													
2	Ban QLR PH Lộc Ninh													
3	Ban QLR PH Tà Thiết													
4	Đội Quản lý công trình đô thị	700								700				
5	Trung Tâm dịch vụ Nông Nghiệp													
6	Trung Tâm y tế													
7	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị													

8	Hội Đồng ND và UBND													
9	Phòng Tài Chính - KH													
10	Phòng KT - HT													
11	Phòng Tư Pháp													
12	Phòng Nội vụ - LĐTBXH													
13	Phòng NN và PTNT													
14	Thanh Tra huyện													
15	Phòng Văn Hóa TT													
16	Phòng Giáo dục và Đáo tạo													
17	Phòng Tài nguyên và môi trường													
18	Phòng Dân tộc và tôn giáo													
19	Văn Phòng Huyện ủy													
	Văn Phòng Khối mặt trận đoàn thể													
20	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc													
21	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng													
22	Trường Mẫu giáo Hoa Mai													
23	Trường Mẫu giáo Họa Mi													
24	Trường Mẫu giáo Hướng Dương													
25	Trường Mẫu giáo Lộc Hiệp													

26	Trường Mẫu giáo Lộc Hưng	
27	Trường Mẫu giáo Lộc Quang	
28	Trường Mẫu giáo Măng Non	
29	Trường Mẫu giáo Sao Mai	
30	Trường Mẫu giáo Sao Sáng	
31	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	
32	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	
33	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	
34	Trường Mẫu giáo Vàng Anh	
35	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng	
36	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	
37	Trường Mẫu giáo Bình Minh	
38	Trường Mẫu giáo Ánh Dương	
39	Trường TH Lộc An	
40	Trường TH Lộc Hiệp	
41	Trường TH Lộc Hưng	
42	Trường TH Lộc Hòa	
43	Trường TH Lộc Khánh	
44	Trường TH Lộc Điền A	

45	Trường TH Lộc Điền B	
46	Trường TH Lộc Phú	
47	Trường TH Lộc Quang	
48	Trường TH Lộc Tấn A	
49	Trường TH Lộc Tấn B	
50	Trường TH Lộc Thành A	
51	Trường TH Lộc Thành B	
52	Trường TH Lộc Thái A	
53	Trường TH Lộc Thái B	
54	Trường TH Lộc Thiện	
55	Trường TH Lộc Thịnh	
56	Trường TH Lộc Thuận A	
57	Trường TH Lộc Thuận B	
58	Trường TH TT Lộc Ninh A	
59	Trường TH TT Lộc Ninh B	
60	Trường TH Lộc Thạnh	
61	Trường TH Lộc Thiện B	
62	Trường THCS Lộc An	
63	Trường THCS Lộc Hưng	

64	Trường THCS Lộc Khánh	
65	Trường THCS Lộc Điền	
66	Trường THCS Lộc Quang	
67	Trường THCS TT Lộc Ninh	
68	Trường THCS Lộc Tấn	
69	Trường THCS Lộc Thành	
70	Trường THCS Lộc Thái	
71	Trường THCS Lộc Thiện	
72	Trường THCS Lộc Thuận	
73	Trường THCS Lộc Hoà	
74	Trường THCS Lộc Hiệp	
75	Trường THCS - TH Lộc Thịnh	
76	Trường THCS- TH Lộc Thạnh	
77	Trường THCS Lộc Phú	
78	Trường PT DTNT - THCS Lộc Ninh	
79	Trung Tâm GDNN - GDTX Lộc Ninh	
80	Trường THPT Lộc Ninh	
81	Trường THPT Lộc Thái	
82	Trường THPT Lộc Hiệp	

83	UBND xã Lộc Hiệp	1096								1096	1096			
84	UBND xã Lộc Quang	900								400	400		500	
85	UBND xã Lộc An	600				500				100	100			
86	UBND xã Lộc Hòa	1100				800				300	300			
87	UBND xã Lộc Tấn	500								500	500			
88	UBND TT Lộc Ninh	800				500							300	
89	UBND xã Lộc Thuận	1300				700				100	100		500	
90	UBND xã Lộc Điền	3510				1700				1010	1010		800	
91	UBND xã Lộc Khánh	559								500	100		59	
92	UBND xã Lộc Hưng	1000								500	500		500	
93	UBND xã Lộc Thái	500								500	500			
94	UBND xã Lộc Thiện	300								300	300			
95	UBND xã Lộc Thành	400								400	400			
96	UBND xã Lộc Thiịnh	1000								500	500		500	
97	UBND xã Lộc Thạnh	208,426								200	200		8,426	
98	UBND xã Lộc Phú	200								200	200			

UBND HUYỆN LỘC NINH

Biểu số 88/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	**391.574**	**259.376**	**0**	**21.866**	**472**	**177**	**286**	**365**	**14.222**	**500**	**7.998**	**67.802**	**18.510**
1	Hạt Kiểm Lâm	2.293										2.293		
2	Ban QLR PH Lộc Ninh	1.622										1.622		
3	Ban QLR PH Tà Thiết	1.648										1.648		
4	Đội Quản lý công trình đô thị	2.779								2.779				
5	Trung Tâm dịch vụ Nông Nghiệp	1.935										1.935		
6	Trung Tâm y tế	21.866			21.866									
7	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị	966	966											
8	Hội Đồng ND và UBND	0												
9	Phòng Tài Chính - KH	0												

10	Phòng KT - HT	500									500			
11	Phòng Tư Pháp	0												
12	Phòng Nội vụ - LĐTBXH	17.834												17.834
13	Phòng NN và PTNT	1.200	700									500		
14	Thanh Tra huyện	0												
15	Phòng Văn Hóa TT	50						50						
16	Phòng Giáo dục và Đáo tạo	421	421											
17	Phòng Tài nguyên và môi trường	365							365					
18	Phòng Dân tộc và tôn giáo	0												
19	Văn Phòng Huyện ủy													
20	Văn Phòng Khối mặt trận đoàn thể													
21	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc	2.727	2.727											
22	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	2.925	2.925											
23	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	2.537	2.537											
24	Trường Mẫu giáo Họa Mi	1.643	1.643											
25	Trường Mẫu giáo Hướng Dương	2.521	2.521											
26	Trường Mẫu giáo Lộc Hiệp	2.502	2.502											
27	Trường Mẫu giáo Lộc Hưng	3.225	3.225											
28	Trường Mẫu giáo Lộc Quang	3.008	3.008											
29	Trường Mẫu giáo Măng Non	2.051	2.051											
30	Trường Mẫu giáo Sao Mai	2.354	2.354											

31	Trường Mẫu giáo Sao Sáng	2.686	2.686											
32	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	1.643	1.643											
33	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	2.334	2.334											
34	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	2.758	2.758											
35	Trường Mẫu giáo Vàng Anh	2.511	2.511											
36	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng	2.756	2.756											
37	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	2.584	2.584											
38	Trường Mẫu giáo Bình Minh	2.824	2.824											
39	Trường Mẫu giáo Ánh Dương	1.627	1.627											
40	Trường TH Lộc An	3.917	3.917											
41	Trường TH Lộc Hiệp	9.922	9.922											
42	Trường TH Lộc Hưng	4.698	4.698											
43	Trường TH Lộc Hòa	3.997	3.997											
44	Trường TH Lộc Khánh	4.192	4.192											
45	Trường TH Lộc Điền A	4.774	4.774											
46	Trường TH Lộc Điền B	2.720	2.720											
47	Trường TH Lộc Phú	4.932	4.932											
48	Trường TH Lộc Quang	7.340	7.340											
49	Trường TH Lộc Tấn A	6.538	6.538											
50	Trường TH Lộc Tấn B	3.518	3.518											
51	Trường TH Lộc Thành A	3.441	3.441											

52	Trường TH Lộc Thành B	5.414	5.414										
53	Trường TH Lộc Thái A	3.684	3.684										
54	Trường TH Lộc Thái B	3.393	3.393										
55	Trường TH Lộc Thiện	4.463	4.463										
56	Trường TH Lộc Thịnh	3.642	3.642										
57	Trường TH Lộc Thuận A	3.778	3.778										
58	Trường TH Lộc Thuận B	3.673	3.673										
59	Trường TH TT Lộc Ninh A	4.818	4.818										
60	Trường TH TT Lộc Ninh B	4.513	4.513										
61	Trường TH Lộc Thạnh	2.695	2.695										
62	Trường TH Lộc Thiện B	4.014	4.014										
63	Trường THCS Lộc An	3.630	3.630										
64	Trường THCS Lộc Hưng	4.051	4.051										
65	Trường THCS Lộc Khánh	3.524	3.524										
66	Trường THCS Lộc Điền	5.288	5.288										
67	Trường THCS Lộc Quang	4.168	4.168										
68	Trường THCS TT Lộc Ninh	5.925	5.925										
69	Trường THCS Lộc Tấn	6.253	6.253										
70	Trường THCS Lộc Thành	4.197	4.197										
71	Trường THCS Lộc Thái	4.978	4.978										
72	Trường THCS Lộc Thiện	5.287	5.287										

94	UBND xã Lộc Thái	4.652	44			32	12	16		459			4.027	61
95	UBND xã Lộc Thiện	4.211	44			25	9	13		133			3.948	38
96	UBND xã Lộc Thành	5.510	44			32	12	16		596			4.750	60
97	UBND xã Lộc Thiịnh	6.521	44			22	8	11		1.782			4.617	38
98	UBND xã Lộc Thạnh	5.769	44			18	7	9		1.823			3.809	60
99	UBND xã Lộc Phú	5.293	40			25	9	13		792			4.383	30